

Số: *M* /NQ-HĐND

Bình Phước, ngày 14 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT
Thông qua kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ BẢY

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm;

Căn cứ Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm; Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về ban hành quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020;

Xét Tờ trình số 105/TTr-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 61/BC-HĐND-KTNS ngày 21 tháng 11 năm 2018 của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019 với các nội dung như sau:

I. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn đầu tư công năm 2019

- Bố trí trả nợ vay;



- Bố trí các công trình đối ứng (vốn ODA, vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương);

- Bố trí vốn phân cấp cho các huyện, thị xã, thành phố theo Nghị quyết số 07/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về ban hành quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020, tỉnh Bình Phước;

- Bố trí đủ vốn cho các dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2019; các công trình chuyển tiếp, trong đó dự án nhóm C vốn bố trí không quá 3 năm; nhóm B vốn bố trí không quá 5 năm;

- Các dự án khởi công mới phải đảm bảo thủ tục đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công; Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015, Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015, Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ; dự án có trong kế hoạch trung hạn 2016-2020 đến ngày 31 tháng 10 năm 2018 đã phê duyệt dự án;

- Ưu tiên bố trí vốn cho hạ tầng giao thông; hạ tầng ngoài hàng rào các khu công nghiệp; xây dựng nông thôn mới; chỉnh trang đô thị thành phố Đồng Xoài và 2 huyện công nghiệp: Chơn Thành, Đồng Phú theo Nghị quyết của Tỉnh ủy;

- Các chủ đầu tư phải thực hiện đấu thầu qua mạng theo kế hoạch tổng thể và lộ trình được phê duyệt nhằm đảm bảo tính công bằng, công khai, minh bạch và hiệu quả sử dụng vốn ngân sách nhà nước; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và thanh tra trong hoạt động đầu tư xây dựng góp phần đảm bảo, nâng cao chất lượng công trình xây dựng, hiệu quả của các dự án đầu tư.

II. Nguồn vốn được phân bổ: 3.137 tỷ 477 triệu đồng, bao gồm:

1. Nguồn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương: 2.614 tỷ 367 triệu đồng.
2. Nguồn ngân sách trung ương: 503 tỷ 110 triệu đồng.
3. Nguồn hỗ trợ của thành phố Hồ Chí Minh: 20 tỷ đồng.

III. Phương án phân bổ

1. Nguồn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương: 2.614 tỷ 367 triệu đồng.

Trong đó:

a) Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức: 516 tỷ 905 triệu đồng.

Bao gồm:

- Trả nợ vay tín dụng ưu đãi giai đoạn 2011-2015: 47 tỷ đồng;

- Hoàn trả nguồn cải cách tiền lương: 70 tỷ đồng;

- Vốn phân cấp huyện, thị xã, thành phố theo Nghị quyết số 07/2016/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh:

234 tỷ 250 triệu đồng;

- Đầu tư cho 15 xã biên giới theo Quyết định số 160 của Thủ tướng Chính phủ: 7 tỷ 500 triệu đồng;

- Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2019 -2020: 10 tỷ đồng;

- Bổ sung vốn điều lệ của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã

(theo Quyết định số 23/2017/QĐ-TTg ngày 22 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ):

3 tỷ đồng;

- Vốn thực hiện dự án:	145 tỷ 155 triệu đồng;
Trong đó:	
+ Dự án chuyển tiếp (3 dự án):	14 tỷ 800 triệu đồng;
+ Dự án khởi công mới (10 dự án):	130 tỷ 355 triệu đồng.
<i>(Chi tiết tại biểu số 1)</i>	
b) Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất:	1.637 tỷ 462 triệu đồng.
Bao gồm:	
- Vốn huyện, thị xã, thành phố quản lý:	1.247 tỷ 462 triệu đồng.
Chia ra:	
+ Vốn phân cấp huyện, thị xã, thành phố:	987 tỷ 462 triệu đồng;
Trong đó đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30% là:	296 tỷ 200 triệu đồng;
+ Vốn tỉnh hỗ trợ xây dựng nông thôn mới:	130 tỷ đồng;
+ Hỗ trợ thành phố Đồng Xoài giải phóng mặt bằng dự án xây dựng kè và nạo vét hồ Suối Cam:	130 tỷ đồng.
- Vốn tỉnh quản lý:	390 tỷ đồng;
Trong đó:	
+ Dự án chuyển tiếp (12 dự án):	226 tỷ đồng;
+ Dự án khởi công mới (5 dự án):	164 tỷ đồng.
<i>(Chi tiết tại biểu số 2)</i>	
c) Vốn xổ số kiến thiết:	460 tỷ đồng
- Dự án chuyển tiếp (8 dự án):	174 tỷ 160 triệu đồng;
- Dự án khởi công mới (12 dự án):	254 tỷ 100 triệu đồng;
- Vốn chuẩn bị đầu tư cho các dự án giai đoạn 2021-2025:	31 tỷ 740 triệu đồng.
Cơ cấu bố trí vốn cho giáo dục, y tế là 234 tỷ 960 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 51,1%; bố trí vốn cho nông thôn mới là 75 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 16,3% đảm bảo theo quy định.	

(Chi tiết tại biểu số 3)

2. Nguồn ngân sách trung ương:	503 tỷ 110 triệu đồng.
Bao gồm:	
- Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia:	115 tỷ 792 triệu đồng.
Trong đó:	
+ Chương trình nông thôn mới (Chi tiết tại phụ lục 4.1):	92 tỷ 400 triệu đồng;
+ Chương trình giảm nghèo bền vững:	23 tỷ 392 triệu đồng.
- Các Chương trình mục tiêu:	271 tỷ 810 triệu đồng;
Trong đó:	
+ Dự án chuyển tiếp (11 dự án):	221 tỷ 810 triệu đồng;
+ Dự án khởi công mới (1 dự án):	20 tỷ đồng;
+ Thu hồi các khoản vốn ứng trước:	30 tỷ đồng.

(Chi tiết tại biểu số 4)

- Vốn trái phiếu Chính phủ: 66 tỷ đồng;

Trong đó:

+ Dự án nâng cấp, mở rộng bệnh viện đa khoa tỉnh từ 300 giường lên 600 giường bệnh: 56 tỷ đồng;

+ Dự án kiên cố hóa phòng học tạm, phòng học bán kiên cố cấp học mầm non và tiểu học cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa theo Quyết định số 204/QĐ-TTg ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ: 10 tỷ đồng.

(Chi tiết tại biểu số 5).

- Vốn nước ngoài (ODA): 49 tỷ 508 triệu đồng.

(Bố trí cho dự án Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới: Đường Minh Lập- Lộc Hiệp).

(Chi tiết tại biểu số 6).

3. Nguồn hỗ trợ của thành phố Hồ Chí Minh: 20 tỷ đồng.

(Bố trí cho dự án Trường trung học phổ thông Bùi Gia Mập, huyện Bùi Gia Mập)

(Chi tiết tại biểu số 7).

IV. Tổng nguồn vốn bố trí cho xây dựng nông thôn mới năm 2019 là: 593 tỷ 600 triệu đồng, tăng 319 tỷ 200 triệu đồng so với năm 2018.

Trong đó:

- Nguồn ngân sách trung ương: 92 tỷ 400 triệu đồng;

- Nguồn ngân sách tỉnh: 205 tỷ đồng;

- Nguồn ngân sách huyện, thị xã, thành phố: 296 tỷ 200 triệu đồng.

(Chi tiết tại biểu số 8).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa IX, kỳ họp thứ bảy thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng QH, Văn phòng CP;
- Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TTTU, TTHĐND, Đoàn ĐBQH, UBND, BTTUBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- LĐVP, Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH *phb*



Trần Tuệ Hiền



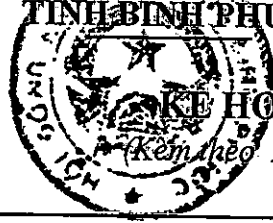
TỔNG HỢP KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019

(Kèm theo Nghị quyết số // /NQ-HĐND ngày // tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2019			Ghi chú
		Tổng số	Trong nước	Ngoài nước	
	TỔNG SỐ	3.137.477	3.087.969	49.508	
I	Nguồn đầu tư trong cân đối NSDP	2.614.367	2.614.367	-	
1	Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức quy định tại Quyết định 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ	516.905	516.905		
2	Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	1.637.462	1.637.462		
-	Khối tỉnh	650.000	650.000		
-	Khối huyện, thị, thành phố	987.462	987.462		
3	Vốn Xổ số kiến thiết	460.000	460.000		
II	Nguồn ngân sách trung ương	503.110	453.602	49.508	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	115.792	115.792		
-	Chương trình giảm nghèo bền vững	23.392	23.392		
-	Chương trình nông thôn mới	92.400	92.400		
2	Các chương trình mục tiêu	271.810	271.810		
3	Trái phiếu Chính phủ	66.000	66.000		
4	Vốn nước ngoài (ODA)	49.508		49.508	
III	Nguồn hỗ trợ của TP. HCM	20.000	20.000		

Ghi chú: Tiền SDD khối tỉnh năm 2019 là 868 tỷ 889 triệu đồng, trong đó để lại 150 tỷ đồng chi sự nghiệp duy tu, sửa chữa các tuyến đường giao thông và dự án bảo tồn văn hóa Stieng Sóc Bom Bo; để lại 68 tỷ 889 triệu đồng chi sự nghiệp hạ tầng công nghệ thông tin.



Biểu số 1

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ NĂM 2019

(Kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

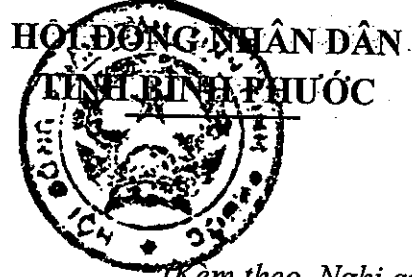
ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số quyết định; ngày, tháng, năm	Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2018	Kế hoạch vốn năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
	TỔNG CỘNG		940.530	572.250	516.905		
I	Trả nợ vay tín dụng ưu đãi 2011-2015		406.950	328.950	47.000	Sở Tài chính	
II	Hoàn trả nguồn cải cách tiền lương		220.000	150.000	70.000	Sở Tài chính	
III	Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố				234.250		
1	Thành phố Đồng Xoài				22.890		
2	Thị xã Bình Long				20.760		
3	Thị xã Phước Long				18.640		
4	Huyện Đồng Phú				21.690		
5	Huyện Bù Đăng				24.490		
6	Huyện Bù Gia Mập				21.290		
7	Huyện Chơn Thành				20.890		
8	Huyện Hớn Quản				20.890		
9	Huyện Lộc Ninh				23.420		
10	Huyện Bù Đốp				19.300		
11	Huyện Phú Riềng				19.990		
IV	Chương trình đầu tư phát triển kinh tế xã hội tuyến biên giới Việt Nam -Campuchia (theo QĐ 160/2007/QĐ-TTg, ngày 17/10/2007)		37.500	22.500	7.500	Đầu tư cho 15 xã biên giới, định mức 500 triệu đồng/xã	
1	Huyện Bù Gia Mập		5.000	3.000	1.000		
2	Huyện Bù Đốp		15.000	9.000	3.000		
3	Huyện Lộc Ninh		17.500	10.500	3.500		

STT	Danh mục dự án	Số quyết định; ngày, tháng, năm	Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2018	Kế hoạch vốn năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
V	Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS giai đoạn 2019-2020		46.700	30.000	10.000		Giao Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh phân bổ chi tiết
VI	Bổ sung vốn điều lệ của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã (theo QĐ 23/2017/QĐ-TTg ngày 22/6/2017 của Thủ tướng CP)		6.000	3.000	3.000	Liên minh hợp tác xã tỉnh	
VII	Vốn thực hiện dự án		223.380	37.800	145.155		
Dự án chuyển tiếp sang năm 2019							
1	Nông lâm nghiệp		18.000	15.000	3.000		
1.1	Dự án nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Bình Phước	2696/QĐ-UBND ngày 26/10/2016; 1448/QĐ-UBND ngày 13/6/2017	18.000	15.000	3.000	Chi cục kiểm lâm	
2	Giao thông - vận tải & Hạ tầng đô thị		6.800	-	6.800		
2.1	Hai tuyến đường phục vụ Công viên văn hóa tỉnh (đường Nguyễn Chánh và đường QH số 30)	2706/QĐ-UBND ngày 23/11/2010	6.800		6.800	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
3	Quốc Phòng-An Ninh		20.000	15.000	5.000		
3.1	Xây dựng các công trình khu vực phòng thủ	29/QĐ-BCH ngày 13/6/2018; 24/QĐ-BCH ngày 08/6/2018	20.000	15.000	5.000	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	

STT	Danh mục dự án	Số quyết định; ngày, tháng, năm	Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2018	Kế hoạch vốn năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
	Dự án khởi công mới năm 2019		178.580	7.800	130.355		
1	Công nghiệp và hạ tầng các khu công nghiệp		48.900	3.000	45.470		
1.1	Mương thoát nước ngoài hàng rào Khu CN Tân Khai II	2356/QĐ-UBND ngày 15/10/2018	14.900	1.000	13.700	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
1.2	Mương thoát nước ngoài hàng rào Khu CN Đồng Xoài 3	2813/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 936/QĐ-UBND ngày 2/5/2018	10.000	1.000	9.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
1.3	Xây dựng mương thoát nước áp 7 xã Minh Hưng huyện Chơn Thành (ngoài hàng rào KCN Minh Hưng-Chơn Thành)	2612/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	9.000		8.970	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
1.4	Mương thoát nước ngoài hàng rào KCN Minh Hưng Sikiko	2459/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	15.000	1.000	13.800	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
2	Giao thông - vận tải & Hạ tầng đô thị		84.600	3.000	41.685		
2.1	Đường từ Bù Nho đi Phước Tân, huyện Phú Riềng	2450/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	80.000	3.000	37.200	UBND huyện Phú Riềng	
2.2	Đầu nối hạ tầng khu dân cư Phú Thịnh (giai đoạn 1) Phường Tân Phú, thị xã Đồng Xoài với đường Hồ Xuân Hương	2713/QĐ-SXD ngày 30/10/2018	4.600		4.485	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
3	Văn hóa		19.080	-	19.000		
3.1	Xây dựng hàng rào Khu căn cứ Bộ chỉ huy miền Tà Thiết (giai đoạn 2).	2502/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	14.200		14.200	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
3.2	Trần xá lũ kết hợp cầu giao thông nội bộ và công xả bùn cát tại Di tích căn cứ Bộ Chỉ huy quân giải phóng miền Nam Việt Nam 1972-1975	2504/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	4.880		4.800	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
4	Quốc Phòng-An Ninh		26.000	1.800	24.200		

STT	Danh mục dự án	Số quyết định; ngày, tháng, năm	Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2018	Kế hoạch vốn năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
4.1	Đồn công an Khu công nghiệp huyện Chơn Thành	45/QĐ-BQL ngày 25/10/2018	12.500	900	11.600	Công an tỉnh	
4.2	Đồn công an Khu công nghiệp huyện Đồng Phú	44/QĐ-BQL ngày 25/10/2018	13.500	900	12.600	Công an tỉnh	



Biểu số 2

CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019

NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT

(Kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số quyết định; ngày, tháng, năm	Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2018	Kế hoạch vốn năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
	TỔNG CỘNG		906.450	382.055	1.637.462		
A	Vốn huyện, thị, thành phố quản lý				1.247.462		
1	Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố				987.462		
1.1	Thành phố Đông Xoài				102.000		
	Trong đó: đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%				30.600		
1.2	Thị xã Bình Long				48.340		
	Trong đó: đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%				14.500		
1.3	Thị xã Phước Long				342.000		
	Trong đó: đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%				102.600		
1.4	Huyện Đông Phú				52.520		
	Trong đó: đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%				15.750		
1.5	Huyện Bù Đăng				60.920		
	Trong đó: đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%				18.270		
1.6	Huyện Bù Gia Mập				26.560		
	Trong đó: đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%				7.970		
1.7	Huyện Chơn Thành				162.440		

STT	Danh mục dự án	Số quyết định; ngày, tháng, năm	Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2018	Kế hoạch vốn năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
	Trong đó: đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%				48.700		
1.8	Huyện Hớn Quản				19.252		
	Trong đó: đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%				5.770		
1.9	Huyện Lộc Ninh				57.970		
	Trong đó: đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%				17.390		
1.10	Huyện Bù Đốp				42.320		
	Trong đó: đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%				12.700		
1.11	Huyện Phú Riềng				73.140		
	Trong đó: đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%				21.950		
2	Vốn tỉnh hỗ trợ xây dựng nông thôn mới				130.000	UBND các huyện	Giao Văn phòng điều phối CTMTQG xây dựng NTM tỉnh tham mưu UBND tỉnh phân bổ. Trong đó ưu tiên xây dựng đường giao thông nông thôn
3	Hỗ trợ thành phố Đồng Xoài GPMB dự án xây dựng kè và nạo vét hồ Suối Cam		130.000		130.000	UBND thành phố Đồng Xoài	
B	Vốn tỉnh quản lý		906.450	382.055	390.000		
	<i>Dự án chuyển tiếp sang năm 2019</i>		<i>604.600</i>	<i>371.855</i>	<i>226.000</i>		
I	Công nghiệp và hạ tầng các khu công nghiệp		144.000	90.895	52.970		

STT	Danh mục dự án	Số quyết định; ngày, tháng, năm	Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2018	Kế hoạch vốn năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
1	XD công trình cấp điện nông thôn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2013-2020 (đối ứng NSTW)	1153/QĐ-UBND ngày 04/6/2014	20.000	18.115	1.800	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
2	Các tuyến đường số 2, 3, 4, 5 và 7 KCN Đồng Xoài I	980/QĐ-UBND ngày 9/5/2018	80.000	34.000	45.970	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
3	Hệ thống thoát nước ngoài hàng rào KCN Becamex Bình Phước	1944/QĐ-UBND ngày 08/8/2017	44.000	38.780	5.200	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
II	Giao thông - vận tải & Hạ tầng đô thị		313.800	177.860	129.330		
1	Nâng cấp đường giao thông vào nhà máy xi măng Minh Tâm, huyện Hớn Quản	2769/QĐ-UBND 31/10/2016	28.000	15.860	12.000	UBND huyện Hớn Quản	
2	Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa	2818/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	123.800	56.000	61.330	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
3	Dự án nâng cấp, mở rộng đường ĐT 752 (đoạn thị xã Bình Long đi trường chuyên Bình Long	2784/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	72.000	32.000	40.000	UBND-TX Bình Long	
4	Đường số 7 (đoạn còn lại) và một tuyến khác thuộc khu dân cư Bắc tinh lý, phường Tân Phú, thị xã Đồng Xoài	2781/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	30.000	24.000	6.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
5	Đường ĐT 759B đoạn từ bến xe mới đi xã Thiện Hưng huyện Bù Đốp	2185/QĐ-UBND ngày 05/9/2017	60.000	50.000	10.000	UBND huyện Bù Đốp	
III	Văn hóa - xã hội		95.000	70.800	24.200		
1	Dự án xây dựng kè và nạo vét hồ Suối Cam	2054/QĐ-UBND ngày 21/8/2017	95.000	70.800	24.200	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
IV	Quốc phòng - An Ninh		51.800	32.300	19.500		

STT	Danh mục dự án	Số quyết định; ngày, tháng, năm	Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2018	Kế hoạch vốn năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
1	Nhà khách và nhà ở công vụ cho cán bộ chiến sĩ Công an tỉnh Bình Phước	2784/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	11.500	7.000	4.500	Công an tỉnh	
2	Xây dựng trụ sở đội PCCC và CNCH huyện Lộc Ninh	2843/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	25.000	15.000	10.000	Công an tỉnh	
3	Xây dựng các hạng mục hạ tầng Sở chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	2844/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	15.300	10.300	5.000	Bộ chỉ huy BDBP tỉnh	
Dự án khởi công mới năm 2019							
I	Công nghiệp và hạ tầng các khu công nghiệp		10.500	1.500	9.000		
1	Tiểu dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Bình Phước, giai đoạn 2018-2020 - Vốn ODA do EU tài trợ (đối ứng NS tỉnh)	2090/QĐ-UBND ngày 5/9/2018	10.500	1.500	9.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
II	Giao thông - vận tải & Hạ tầng đô thị		291.350	8.700	155.000		
1	Đường GTNT Bom Bo-Đak Nhau	2850/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	45.000	1.700	28.250	UBND huyện Bù Đăng	
2	Kè và hệ thống đường giao thông dọc hai bên suối Đồng Tiền - suối Tâm Vông TX Đồng Xoài	2137/QĐ-UBND ngày 10/9/2018	150.000	4.000	75.000	UBND thành phố Đồng Xoài	
3	Đường ĐT.760 nối dài từ xã Phú Nghĩa đi xã Đa Kia, Phước Minh - huyện Bù Gia Mập	2456/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	84.600	3.000	40.000	UBND huyện Bù Gia Mập	
4	Láng nhựa đường từ ngã 3 Phước Lộc đi bến đò xã Phước Tín, TX Phước Long	2489a/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	11.750		11.750	UBND TX Phước Long	

Biểu số 3
CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019
NGUỒN THU XỔ SỔ KIẾN THIẾT

(Kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số quyết định; ngày, tháng, năm	Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2018	Kế hoạch vốn năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
TỔNG CỘNG			905.700	405.319	460.000		
A Dự án chuyển tiếp sang năm 2019			630.250	402.844	174.160		
I	Đối ứng các dự án ODA		25.000	14.304	10.600		
1	Dự án Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Bình Phước	2016/QĐ-UBND ngày 27/07/2016	25.000	14.304	10.600	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
II	Nông nghiệp-nông thôn		326.250	198.100	75.000		
1	Trả nợ mua xi măng của Chương trình xây dựng NTM năm 2018		326.250	198.100	75.000	Văn phòng điều phối CTMTQG xây dựng NTM tỉnh	
III	Giáo dục - Đào tạo		259.000	175.440	83.560		
1	Trường MN Hòa Mĩ, TX Đồng Xoài (GD2)	2827/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	20.000	8.000	12.000	UBND thành phố Đồng Xoài	
2	Trường Mẫu giáo thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh	2795/QĐ-UBND ngày 11/10/2013	52.000	37.200	14.800	UBND huyện Lộc Ninh	
3	Trường THPT huyện Lộc Ninh	2709/QĐ-UBND ngày 27/10/2016	54.000	32.440	21.560	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	

STT	Danh mục dự án	Số quyết định; ngày, tháng, năm	Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2018	Kế hoạch vốn năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
4	Trường cấp 2,3 Minh Hưng huyện Chơn Thành	2767/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	43.000	27.800	15.200	UBND huyện Chơn Thành	
5	Trường THPT Đồng Phú, huyện Đồng Phú	2636/QĐ-UBND ngày 24/10/2016	90.000	70.000	20.000	UBND huyện Đồng Phú	
IV	Quốc Phòng-An Ninh		20.000	15.000	5.000		
1	Xây dựng nhà ở chiến sỹ, nhà ăn, hội trường và hồ bơi Trung đoàn 736 tỉnh Bình Phước	2725/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	20.000	15.000	5.000	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	
B	Đề án khai công mới năm 2019		275.450	2.475	254.100		
I	Giáo dục - Đào tạo		172.150	2.475	151.400		
1	Trường mẫu giáo Tân Tiến huyện Bù Đốp	2815/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	18.000		18.000	UBND huyện Bù Đốp	
2	Hồ bơi, Sân bóng đá mini Trường THPT chuyên Quang Trung, thị xã Đồng Xoài	2779/QĐ-UBND ngày 27/10/2017	9.000		9.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
3	Hồ bơi Trường THPT chuyên Bình Long, thị xã Bình Long	2840/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	9.000		9.000	UBND TX Bình Long	
4	Trường Mầm non Minh Thành, huyện Chơn Thành	2472/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	31.400	1.000	31.400	UBND huyện Chơn Thành	
5	Trường Mầm non Hoa Hồng, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú	2486/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	18.000	700	18.000	UBND huyện Đồng Phú	
6	Trường tiểu học Trương Định huyện Bù Gia Mập	2466/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	21.500		21.500	UBND huyện Bù Gia Mập	
7	Trường tiểu học Bình Thẳng B huyện Bù Gia Mập	2651/QĐ-SXD ngày 29/10/2018	4.500		4.500	UBND huyện Bù Gia Mập	

STT	Danh mục dự án	Số quyết định; ngày, tháng, năm	Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2018	Kế hoạch vốn năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
8	Dự án xây dựng ký túc xá Trường chính trị tỉnh	2841/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	60.750	775	40.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
II	Giao thông - vận tải & Hạ tầng đô thị		103.300	-	102.700		
1	Đường từ xã An Khương-Trà Thanh-Thanh an huyện Hớn Quản	2485/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	18.000		18.000	UBND huyện Hớn Quản	
2	Đường vào khu nhà ở xã hội xã Tiến Hưng TX Đồng Xoài	1644/QĐ-UBND ngày 16/7/2018	15.000		14.400	UBND thành phố Đồng Xoài	
3	Nâng cấp mở rộng đường ĐT 759B đoạn trung tâm xã Thiện Hưng đi trung tâm xã Phước Thiện, huyện Bù Đốp	2352/QĐ-UBND ngày 11/10/2018	60.300		60.300	UBND huyện Bù Đốp	
4	Đường giao thông liên xã Long Hà đi Long Bình huyện Phú Riềng	2798/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	10.000		10.000	UBND huyện Phú Riềng	
C	Vốn chuẩn bị đầu tư cho các dự án giai đoạn 2021-2025				31.740		Giao Sở KHĐT tham mưu UBND tỉnh phân bổ chi tiết



BIỂU SỐ 4
CHI TIẾT KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019
NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG

Kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số quyết định đầu tư, ngày, tháng, năm	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020			Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2018			Dự kiến kế hoạch năm 2019		Chủ đầu tư
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	
				Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW			
TỔNG CỘNG			1.449.237	1.449.237	30.000	488.378	488.378	-	387.602	30.000	
A	Chương trình mục tiêu quốc gia		478.811	478.811	-	217.378	217.378	-	115.792	-	
I	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		86.871	86.871		60.108	60.108		23.392		Giao Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh phân bổ chi tiết
II	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		391.940	391.940		157.270	157.270		92.400		kèm theo Phụ lục 4.1
B	Các chương trình mục tiêu		970.426	970.426	30.000	271.000	271.000	-	271.810	30.000	
I	Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội các vùng		548.000	548.000	-	180.000	180.000	-	176.810	-	
	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2018</i>		<i>548.000</i>	<i>548.000</i>	<i>-</i>	<i>180.000</i>	<i>180.000</i>	<i>-</i>	<i>176.810</i>	<i>-</i>	
1	Đường từ ngã 3 Vườn Chuối (Quốc lộ 14) đến khu vực trảng cỏ Bù Lạch (thuộc tour du lịch nối với Khu bảo tồn văn hóa dân tộc S'tieng Sok Bom Bo) xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng	2403/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 988/QĐ-UBND ngày 26/4/2017	90.000	90.000		40.000	40.000		30.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
2	Nâng cấp đường ĐT 755 đoạn từ thị trấn Đức Phong đi Lam Sơn huyện Bù Đăng	994/QĐ-UBND ngày 26/4/2017	60.000	60.000		13.000	13.000		12.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
3	Đường tránh nội ô thị xã Đồng Xoài (Kết nối ĐT 741 với QL 14)	1593/QĐ-UBND ngày 28/6/2017	80.000	80.000		33.000	33.000		47.000		UBND thành phố Đồng Xoài
4	Đường trục chính khu trung tâm hành chính huyện Phú Riềng	1322/QĐ-UBND ngày 31/5/2017	70.000	70.000		23.000	23.000		16.000		UBND huyện Phú Riềng
5	Trụ sở huyện ủy, trụ sở HĐND-UBND, hội trường và trụ sở khối đoàn thể huyện Phú Riềng	1038a/QĐ-UBND ngày 28/4/2017	70.000	70.000		21.000	21.000		16.000		UBND huyện Phú Riềng
6	Các tuyến đường nối QL 14 với khu dân cư Ấp 1 xã Tiến Thành, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước	2152/QĐ-UBND ngày 30/8/2017	106.000	106.000		20.000	20.000		35.810		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh

STT	Dan h mục dự án	Số quyết định đầu tư, ngày, tháng, năm	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020			Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2018			Dự kiến kế hoạch năm 2019		Chủ đầu tư
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	
				Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW			
7	Nâng cấp, mở rộng đường Phan Chu Trinh kết nối với QL 13 huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	2807/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	72.000	72.000		30.000	30.000		20.000		UBND huyện Lộc Ninh
II	Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư		101.736	101.736	-	-	-	-	20.000	-	
	<i>Dự án khởi công mới năm 2019</i>		101.736	101.736	-	-	-	-	20.000	-	
	Dự án xây dựng hệ thống kênh tưới cụm công trình thủy lợi huyện Lộc Ninh	2469/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	101.736	101.736					20.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
III	Chương trình mục tiêu cấp điện nông thôn miền núi và hải đảo		99.000	99.000	-	35.000	35.000	-	10.000	-	
	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2018</i>		99.000	99.000	-	35.000	35.000	-	10.000	-	
	Cấp điện nông thôn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2013-2020	1153/QĐ-UBND ngày 04/6/2014	99.000	99.000		35.000	35.000		10.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
IV	Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao		101.690	101.690		13.000	13.000	-	15.000	-	
	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2018</i>		101.690	101.690		13.000	13.000	-	15.000	-	
	Xây dựng hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư	1246/QĐ-UBND ngày 23/5/2017	101.690	101.690		13.000	13.000		15.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
V	Chương trình mục tiêu Giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn		40.000	40.000		13.000	13.000	-	10.000	-	
	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2018</i>		40.000	40.000		13.000	13.000	-	10.000	-	
	Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS Bù Đốp	1836/QĐ-UBND ngày 31/7/2017	40.000	40.000		13.000	13.000		10.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
VIII	Chương trình mục tiêu quốc phòng an ninh trên địa bàn trọng điểm		50.000	50.000		30.000	30.000	-	10.000	-	
	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2018</i>		50.000	50.000		30.000	30.000	-	10.000	-	
	Đường nhựa vào các Đồn biên phòng Thanh Hòa, Đắc O, Bù Gia Mập và cụm dân cư Bù Gia Mập	2404/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 990/QĐ-UBND ngày 26/4/2017	50.000	50.000		30.000	30.000		10.000		Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng
VII	Thu hồi các khoản vốn ứng trước		30.000	30.000	30.000				30.000	30.000	
1	Sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước sinh hoạt tập trung liên xã Bù Nho - Long Tân	2737/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	10.000	10.000	10.000				10.000	10.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh

STT	Danh mục dự án	Số quyết định đầu tư, ngày, tháng, năm	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020			Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2018			Dự kiến kế hoạch năm 2019		Chủ đầu tư
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	
				Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW			
2	Sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xã An Khương	2944/QĐ-UBND ngày 16/11/2016.	10.000	10.000	10.000				10.000	10.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
3	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Bù Môn	2695/QĐ-UBND ngày 26/10/2016.	10.000	10.000	10.000				10.000	10.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh

CHI TIẾT KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH MTQG XD NTM NĂM 2019

(Nguồn ngân sách Trung ương)

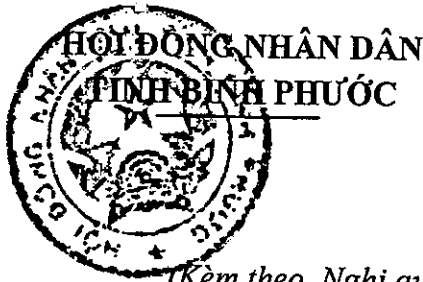
(Kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Huyện	Kế hoạch vốn năm 2019	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	92.400	
I	Huyện Lộc Ninh	22.200	
1	Xã Lộc Thuận	6400	Về đích 2019
2	Xã Lộc Điền	6400	Về đích 2019
3	Xã Lộc Thịnh	6400	Về đích 2019
4	Xã Lộc Quang	1000	Xã ĐBKK
5	Xã Lộc Phú	1000	Xã ĐBKK
6	Xã Lộc Thành	1000	Xã ĐBKK
II	Huyện Đồng Phú	13.800	
1	Xã Đồng Tiến	6400	Về đích 2019
2	Xã Tân Hưng	6400	Về đích 2019
3	Xã Tân Lợi	1000	Xã ĐBKK
III	Huyện Chơn Thành	12800	
1	Xã Minh Thắng	6400	Về đích 2019
2	Xã Minh Lập	6400	Về đích 2019
IV	Huyện Hớn Quản	12800	
1	Xã Đồng Nơ	6400	Về đích 2019
2	Xã Tân Hiệp	6400	Về đích 2019
V	Huyện Bù Đăng	7200	
1	Xã Bom Bo	6200	Về đích 2019
2	Xã Đường 10	1000	Xã ĐBKK
VI	Huyện Bù Đốp	8200	
1	Xã Tân Tiến	6200	Về đích 2019

2	Xã Hưng Phước	1000	Xã ĐBK
3	Xã Phước Thiện	1000	Xã ĐBK
VII	Huyện Phú Riềng	6200	
1	Xã Bình Sơn	6200	Về đích 2019
VIII	Huyện Bù Gia Mập	9200	
1	Xã Bình Thắng	6200	Về đích 2019
2	Xã Đak O	1000	Xã ĐBK
3	Xã Bù Gia Mập	1000	Xã ĐBK
4	Xã Phú Văn	1000	Xã ĐBK

*Ghi chú: UBND các huyện, thị xã có trách nhiệm giao kế hoạch vốn chi tiết đến từng chủ đầu tư theo quy định.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

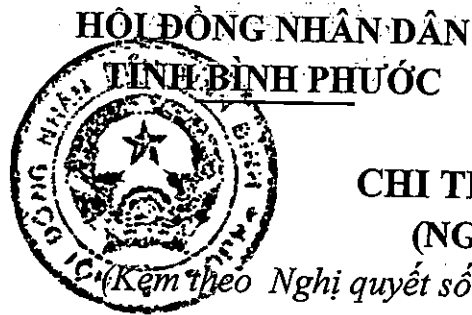
Biểu số 5
CHI TIẾT KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019
NGUỒN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2018	Dự kiến kế hoạch 2019	Chủ đầu tư	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					Trong đó: TPCP
TỔNG SỐ			800.000	760.000	684.000	684.000	66.000	
I	Y tế		700.000	660.000	594.000	594.000	56.000	
	Nâng cấp, mở rộng bệnh viện đa khoa tỉnh từ 300 giường lên 600 giường bệnh	2446a/QĐ-UBND ngày 29/9/2017	700.000	660.000	594.000	594.000	56.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
II	Giáo dục và Đào tạo		100.000	100.000	90.000	90.000	10.000	
	Kiên cố hóa phòng học tạm, phòng học bán kiên cố cấp học mầm non và tiểu học cho vùng đồng bào DTTS, vùng sâu, vùng xa theo Quyết định 204/QĐ-TTg ngày 01/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ.	1373/QĐ-UBND ngày 8/6/2017	100.000	100.000	90.000	90.000	10.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh

Ghi chú: Năm 2019 bố trí phần dự phòng 10% còn lại của kế hoạch trung hạn 2016 - 2020



Biểu số 7

CHI TIẾT KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2019
(NGUỒN HỖ TRỢ CỦA TP. HỒ CHÍ MINH)

(Kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số quyết định; ngày, tháng, năm	Kế hoạch vốn trung hạn 2016- 2020	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2018	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
	TỔNG SỐ		80.000	60.000	20.000		
	Giáo dục và Đào tạo		80.000	60.000	20.000		
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		<i>80.000</i>	<i>60.000</i>	<i>20.000</i>		
	Trường THPT Bù Gia Mập, huyện Bù Gia Mập	807/QĐ-UBND ngày 10/4/2017	80.000	60.000	20.000	UBND huyện Bù Gia Mập	



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu số 8

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ

CHO CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2019

(Kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2018
của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2018	KH vốn năm 2019	Ghi chú
	Tổng số	274.400	593.600	
1	Nguồn ngân sách trung ương	54.400	92.400	
2	Nguồn ngân sách tỉnh	220.000	205.000	
	<i>Trong đó:</i>			
	- Trả nợ mua xi măng	75.000	75.000	
	- Hỗ trợ xây dựng hạ tầng nông thôn mới	45.000	130.000	
	- Nguồn 50% tăng thu cân đối so với dự toán điều chỉnh của năm trước	100.000		
3	Nguồn ngân sách huyện, thị, thành phố		296.200	

Ghi chú: Năm 2018 số xã về đích NTM là 9 xã; năm 2019 dự kiến là 13 xã

CHỖ ĐÓNG CHỮ